

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2023/DS-PT**
Ngày 13/01/2023
“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn,

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn, ông Ma Hồng Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 46/2022/TLDS-PT ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự số 12/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXPT-DS, ngày 26/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Triệu Thị C**, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn L.S, xã Tr.S, huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N.H, xã Tr.S, huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn V**, sinh năm 1992; **chị Phạm Thị Ng**, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Thôn Q.H, xã Tr.Y, huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người làm chứng: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Q.H, xã Tr.Y, huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn V.

(*Bà Triệu Thị C, anh Trần Văn Đ vắng mặt; chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn V và chị Phạm Thị Ng có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Triệu Thị C; bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tranh tụng tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Do nhu cầu vay tiền để đầu tư kinh doanh, ngày 27/11/2019 vợ chồng anh Nguyễn Văn V và chị Phạm Thị Ng đã vay của bà Triệu Thị C 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), không thỏa thuận về lãi suất. Khi vay tiền, vợ chồng anh chị V. Ng đã viết Giấy vay tiền xác nhận đã nhận đầy đủ số tiền đã vay và cam kết thanh toán cho bà C vào ngày 27/02/2020. Nhưng sau đó, vợ chồng anh chị V. Ng trốn tránh, không trả cho bà C bất cứ khoản tiền nào. Hiện nay, vợ chồng anh V đã cắt mọi liên lạc và từ chối việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho bà C theo như đã cam kết. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà C đã khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện S.D buộc vợ chồng anh V và chị Ng hoàn trả cho bà số nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền lập ngày 27/11/2019. Do có tính toán sai về số tiền lãi suất, cụ thể tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu lãi suất là 70.638.000đ (Bảy mươi triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) tính từ ngày 28/02/2020 đến ngày 06/7/2022. Tuy nhiên, hiện tại phía nguyên đơn xác định tổng số ngày yêu cầu lãi suất là 857 ngày tính từ ngày 28/02/2020 đến ngày 05/7/2022 với mức lãi suất là 0,833%/tháng = 83.000đ/tháng x 857 ngày = 71.131.000đ. Để thuận lợi cho việc thi hành án, phía nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, cụ thể là chỉ yêu cầu lãi suất với số tiền tròn số tiền là 70.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà C đề nghị Tòa án buộc anh V và chị Ng phải thanh toán là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Đối với việc anh V và chị Ng xác định số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) mà anh V, chị Ng vay theo Giấy vay tiền lập ngày 27/11/2019 là vay của chị H (là con gái bà C) và đã trả cho chị H, bà C có quan điểm: Ngày 27/11/2019, anh V, chị Ng trực tiếp đến nhà bà thuộc Thôn L.S, xã Tr.S, huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang gặp bà và vay của bà số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Bà C là người trực tiếp giao tiền mặt cho vợ chồng anh V, chị Ng. Chị Ng là người viết giấy vay tiền và cả hai vợ chồng cùng ký. Hôm đó có mặt bà C, anh V, chị Ng và chị Trần Thị H, ngoài ra không có ai khác.

Chị Trần Thị H xác định giữa chị và vợ chồng anh V chị Ng có nhiều giao dịch vay mượn khác. Anh V thường xuyên vay vốn của chị để làm ăn, mỗi lần giao dịch hàng trăm triệu đồng, có thời điểm giao dịch giữa hai bên lên đến hàng tỷ đồng. Hai bên giao dịch bằng cả tiền mặt và chuyển khoản nhưng chủ yếu là chuyển khoản, anh V chưa bao giờ giao tiền mặt cho chị. Hiện tại anh V vẫn đang trả dần cho chị một khoản vay khác nhưng do không liên quan đến vụ án này nên chị không

trình bày. Chị H khẳng định việc vay tiền là vay của bà Triệu Thị C nên việc anh V chị Ng xác định đã thanh toán cho chị là không hợp lý vì chị và bà C là hai cá nhân khác nhau, chị đã đi lấy chồng và ở riêng, chị cũng chưa lần nào nhận tiền mặt do anh V giao và cũng không được anh V chị Ng nhờ cầm tiền trả cho bà C.

Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Ngày 27/11/2019, tại nhà chị Trần Thị H tại Thôn N.H, xã Tr.S vợ chồng anh là Nguyễn Văn V và Phạm Thị Ng có vay của chị Trần Thị H số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Khi vay tiền chị H có yêu cầu vợ chồng anh viết giấy vay tiền nhưng ghi họ tên người cho vay là bà Triệu Thị C. Anh có hỏi thì chị H giải thích bà C là mẹ chị H, tiền đó cũng có một phần tiền của bà C và do chị H đang làm ăn không muốn dính dáng đến chuyện tiền nong. Do tin tưởng nên vợ chồng anh nhất trí ghi tên người cho vay là bà C, vợ anh là Phạm Thị Ng đã viết giấy, sau đó anh và chị Ng cùng ký người vay. Ngay ngày hôm đó vợ chồng anh đã nhận đủ tiền mặt do chị H giao. Anh xác định người giao tiền cho vay là chị H chứ không phải bà C. Khi vay có thỏa thuận bằng miệng về lãi suất là 0,3%/tháng.

Sau đó do anh và anh Trần Văn Đ có bán được một cây hoa lan đột biến và thu được 1.060.000.000đ (*Một tỉ không trăm sáu mươi triệu đồng*). Anh được chia một nửa là 530.000.000đ, sau khi chia tiền bán lan xong thì anh và anh Đ định đi lên thành phố Tuyên Quang để lấy hàng nên anh có nhờ anh Đ đưa vợ chồng anh xuống nhà chị H để trả tiền cho chị H. Khi đến nhà chị H thì anh và vợ anh là chị Ng vào nhà chị H còn anh Đ ngồi bên ngoài đợi, ngoài ra không có ai khác chứng kiến. Hai vợ chồng anh đã trả cho chị H 300.000.000đ tiền gốc và 27.000.000đ tiền lãi, tổng cộng là 327.000.000đ (*Ba trăm hai mươi bảy triệu đồng*). Khi trả tiền hai bên không lập giấy tờ văn bản gì, vợ chồng anh có hỏi chị H về giấy vay nợ gốc thì chị H nói bà C đi câu không có nhà, tối bà về chị sẽ lấy giấy và hủy đi cho. Do tin tưởng nên anh chị không yêu cầu chị H viết giấy nhận tiền, sau đó cũng không hỏi lại giấy vay tiền nữa. Do vậy, việc bà C khởi kiện yêu cầu anh thanh toán số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) anh không nhất trí vì anh đã thanh toán đủ tiền gốc và lãi cho chị H là 327.000.000đ. Anh xác định trong vụ án này, chị H cố tình khởi kiện anh là vì trước đó chị H góp vốn kinh doanh cây hoa lan đột biến với anh bị thua lỗ, chị H đòi rút vốn về nhưng anh không nhất trí. Tại thời điểm cây lan đang “sốt”, chị H có chung tiền với anh mua hai cây bạch tuyết có tổng giá trị lúc đó là khoảng 3.850.000.000 đồng (*Ba tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng*). Bản thân chị H góp 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Hiện tại do cây lan đột biến không còn được giá như trước nên không bán được. Chị H nhiều lần yêu cầu anh trả cho chị H 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) nhưng anh không nhất trí vì góp vốn làm ăn chung, có lãi cùng hưởng, lỗ thì phải cùng chịu. Sau khi yêu cầu anh trả tiền góp

vốn mua lan không được thì chị H kiện anh ra Tòa án nhân dân huyện S.D yêu cầu anh trả nợ. Đây là một tình tiết chứng tỏ việc chị H khởi kiện yêu cầu anh thanh toán nợ là để bù đắp phần nào thiệt hại từ việc chị H góp vốn kinh doanh cây hoa lan đột biến với vợ chồng anh.

Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị Ng trình bày: Ngày 27/11/2019 vợ chồng chị là Phạm Thị Ng và Nguyễn Văn V có vay của chị Trần Thị H số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Khi vay tiền chị H có yêu cầu vợ chồng chị viết giấy vay tiền nhưng ghi họ tên người cho vay là bà Triệu Thị C. Vợ chồng anh chị có thắc mắc thì chị H giải thích bà C là mẹ chị H, tiền đó cũng có một phần tiền của bà C và do chị H đang làm ăn không muốn dính dáng đến chuyện tiền nong. Do tin tưởng nên vợ chồng anh chị nhất trí ghi tên người cho vay là bà C, bản thân chị (Phạm Thị Ng) là người viết giấy vay tiền, sau đó chị và anh V cùng ký người vay. Ngay ngày hôm đó vợ chồng anh đã nhận đủ tiền mặt do chị H giao. Chị xác định người giao tiền cho vay là chị H chứ không phải bà C. Khi vay có thỏa thuận bằng miệng về lãi suất là 0,3%/tháng. Sau đó anh chị đã trả cho chị H đủ số tiền gốc là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*). Tổng cộng là 327.000.000đ (*Ba trăm hai mươi bảy triệu đồng*). Các nội dung, tình tiết khác chị nhất trí với quan điểm của anh V.

Người làm chứng Trần Văn Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa: Anh và vợ chồng anh Nguyễn Văn V, chị Phạm Thị Ng là hàng xóm láng giềng; anh có biết chị Trần Thị H vì chị H có góp vốn kinh doanh cây hoa lan đột biến với anh; đối với bà Triệu Thị C thì anh không quen biết gì; giữa anh và anh chị V. Ng, chị H và bà C không có mâu thuẫn gì. Anh có làm kinh doanh cây cảnh (cây hoa Phong Lan) tại địa phương, khoảng năm 2019-2020 (anh không nhớ rõ ngày tháng), vợ chồng anh chị V. Ng có chung vốn mua cây hoa lan đột biến với anh, anh chị V. Ng 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), sau đó bán thu được 1.060.000.000đ (*Một tỉ không trăm sáu mươi triệu đồng*). Anh đã chia cho anh V chị Ng một nửa là 530.000.000đ. Sau khi giao tiền cho anh V chị Ng xong thì anh và anh V đi lên Tuyên Quang để lấy hàng, anh V nói là phải mang 300.000.000 đồng đi trả chị H nên anh và anh V, chị Ng cùng nhau đến nhà chị H luôn. Khi đó anh V chia tiền là làm hai túi, một túi 200.000.000đ và một túi 330.000.000đ bảo mang đi trả cho tiện. Khi đến nhà chị H tại Thôn N.H, xã Tr.S, huyện Y.S, tỉnh Tuyên Quang thì anh V và chị Ng và trong nhà trả tiền cho chị H còn anh ở bên ngoài hút thuốc. Nhìn qua cửa kính thì anh thấy anh V là người trực tiếp cầm tiền trả tiền cho chị H, khi đó trong nhà chỉ có chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn V và chị Phạm Thị Ng; số tiền cụ thể anh V trả cho chị H thì anh không rõ và cũng không nhìn thấy các bên làm biên bản gì; khi hai bên giao nhận tiền xong còn nói cười rất vui vẻ. Bản thân anh cũng không

biết giữa vợ chồng anh V, chị Ng và chị H có những giao dịch gì khác nhưng anh xác định có việc anh V mang 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) đến nhà trả cho chị H. Anh cũng được biết chị H có được chung vốn kinh doanh cây hoa lan đột biến với anh V vì sau khi lan đột biến xuống giá không bán được thì chị H có nhiều lần nhờ anh nhắc anh V trả cho chị số tiền đã góp vốn mua lan.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang quyết định: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 229, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 463; Điều 357, 466; 468; Điều 275 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với anh Nguyễn Văn V và chị Phạm Thị Ng. Buộc anh Nguyễn Văn V và chị Phạm Thị Ng phải trả cho bà Triệu Thị C 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc và 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Chia ra:

- Anh Nguyễn Văn V phải thanh toán cho bà Triệu Thị C 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Chị Phạm Thị Ng phải thanh toán cho bà Triệu Thị C 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn V phải nộp 9.250.000đ (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Chị Phạm Thị Ng phải nộp 9.250.000đ (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà Triệu Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn V, đơn ghi ngày 10/10/2022 có nội dung: Kháng cáo không nhất trí với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa

án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án. Tuyên vợ chồng tôi đã trả tiền cho bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bị đơn anh Nguyễn Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh xác định đã trả số tiền gốc và lãi suất vay ngày 27/11/2019 của bà Triệu Thị C cho chị Trần Thị H để chị H đưa cho bà C. Do tin tưởng nhau, khi giao tiền cho chị H anh không yêu cầu chị H viết giấy tờ biên nhận gì và cũng không lấy lại giấy vay tiền bản gốc của bà C mà chị H giữ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn chị Phạm Thị Ng xác định: Nhất trí như nội dung trình bày của bị đơn anh Nguyễn Văn V.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Chưa nhận được tiền gốc, lãi suất mà bị đơn anh Nguyễn Văn V, chị Phạm Thị Ng vay ngày 27/11/2019. Nhất trí với nội dung bản án dân sự sơ thẩm, không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đơn kháng cáo hợp lệ trong hạn luật định, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn V trong nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn V về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang. Người kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn V trong thời hạn luật định, nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, nên kháng cáo của bị đơn được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn:

Anh Nguyễn Văn V kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Anh cho rằng đã trả số tiền gốc vay ngày 27/11/2019 của bà Triệu Thị C và lãi suất cho chị Trần Thị H để chị H đưa cho bà C; do tin tưởng chị H nên anh không yêu cầu chị H viết giấy tờ, biên nhận nhận tiền và cũng không lấy lại giấy vay tiền gốc 300.000.000 đồng lập ngày 27/11/2019.

Tại Giấy vay tiền lập ngày 27/11/2019 được chị Phạm Thị Ng viết tay có chữ ký của anh V, chị Ng (được anh V, chị Ng thừa nhận) tại bút lục số 83 thể hiện: “... Tr.S ngày 27/11/2019. Tên tôi là: Nguyễn Văn V vợ là Phạm Thị Ng. Cư trú tại: Thôn Q.H - xã Tr.Y - S.D - Tuyên Quang. Chúng tôi có vay của bà: Triệu Thị C cư trú tại: Lâm Sơn - Tr.S - Y.S - Tuyên Quang số tiền là: 300.000.000. (ba trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn trả tiền là 3 tháng kể từ ngày 27/11/2019 đến ngày: 27/02/2020. Vợ chồng tôi sẽ hoàn trả đủ số tiền trên cho bà nếu sai chúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật”.

Do đó có căn cứ xác định nội dung vay tiền lập ngày 27/11/2019 là giữa bên cho vay bà Triệu Thị C, bên vay là anh Nguyễn Văn V, chị Phạm Thị Ng; thời hạn vay 03 tháng, không tính lãi suất.

Khi đến hạn thanh toán, phía bị đơn không thanh toán tiền gốc vay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh kể từ thời điểm bị đơn vi phạm hợp đồng vay đến khi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định bị đơn chưa thanh toán tiền gốc vay. Bị đơn xác định đã thanh toán tiền gốc vay kèm theo lãi suất theo thỏa thuận miệng cho nguyên đơn thông qua chị Trần Thị H (là con gái, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn). Người làm chứng phía bị đơn xác định khoảng năm 2019 đến 2020, không nhớ rõ ngày tháng được cùng vợ chồng anh V, chị Ng chung vốn 300.000.000 đồng mua cây hoa Phong Lan đột biến sau khi bán cây được 1.060.000.000 đồng, chia cho anh V, chị Ng 530.000.000 đồng, được cùng với anh V, chị Ng đến gia đình chị H để anh V, chị Ng thanh toán tiền vay cho chị H; khi đến nhà chị H thì anh V và chị Ng và trong nhà trả tiền cho chị H còn anh ở bên ngoài hút thuốc, nhìn qua cửa kính thì anh thấy anh V là người trực tiếp cầm tiền trả tiền cho chị H, khi đó trong nhà chỉ có chị H, anh V và chị Ng, số tiền cụ thể anh V trả cho chị H thì anh không rõ và cũng không nhìn thấy các bên làm biên bản gì....

Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy vay tiền lập ngày 27/11/2019 và lời khai của các bên đương sự đều xác định là hợp đồng vay tiền có thời hạn. Khi vay tiền giữa bên cho vay và bên vay tiền có văn bản cụ thể; khi đến hạn thanh toán giữa các bên không có văn bản thể hiện nội dung thanh toán tiền vay. Bị đơn anh Nguyễn Văn V, chị Phạm Thị Ng xác định đã thanh toán tiền gốc và lãi suất cho bên cho vay nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thanh toán tiền cho nguyên đơn bà Triệu Thị C. Tại bút lục số 43,44 anh V giao nộp bảng sao kê của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam từ ngày 21/10/2020 đến ngày 21/5/2022 đối với chị Trần Thị H nhưng không thể hiện nội dung chứng minh chuyển tiền vay hay trả nợ cho khoản vay nào đối với số tiền vay của bà Triệu Thị C. Lời khai của người làm chứng anh Trần Văn Đ không đủ cơ sở xác định có việc thanh toán tiền vay giữa anh V, chị Ng cho bà C thông qua chị Trần Thị H.

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn V và chị Phạm Thị Ng phải thanh toán cho bà Triệu Thị C 300.000.000 đồng tiền gốc và 70.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 370.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 27/11/2019 là có căn cứ, phù hợp với chứng cứ là giấy vay tiền, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm anh Nguyễn Văn V, chị Phạm Thị Ng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho việc thanh toán tiền cho bà Triệu Thị C thông qua chị Trần Thị H tại gia đình chị H theo giấy vay tiền lập ngày 27/11/2019, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh V.

Từ các nội dung trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn V, cần giữ nguyên nội dung quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, do đó bị đơn anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị C về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với anh Nguyễn Văn V và chị Phạm Thị Ng. Buộc anh Nguyễn Văn V và chị Phạm Thị Ng phải trả cho bà Triệu Thị C 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) tiền gốc và 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) tiền lãi. Tổng cộng là 370.000.000đ (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*). Chia ra:

Anh Nguyễn Văn V phải thanh toán cho bà Triệu Thị C 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) tiền lãi. Tổng cộng là 185.000.000đ (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

Chị Phạm Thị Ng phải thanh toán cho bà Triệu Thị C 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) tiền lãi. Tổng cộng là 185.000.000đ (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

Khoản tiền phải thanh toán, kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn V phải nộp 9.250.000đ (*Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Phạm Thị Ng phải nộp 9.250.000đ (*Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Triệu Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002347 ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D, tỉnh Tuyên Quang. Anh V đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 13/01/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S.D;
- Chi cục THA.DS S.D;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phúc An Hoành